

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MÁT VIỆT HÀN POSHACO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MÁT VIỆT HÀN POSHACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: POSHACO KOREA VIET NAM INSULATION PANEL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108639289

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 03, TT04, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299        |
| 2.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2591(Chính) |
| 3.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2013        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2220        |
| 5.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2593        |
| 6.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2410        |
| 7.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2431        |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2511        |
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2512        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;<br>- Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu: + Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;<br>+ Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt;<br>+ Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp ;<br>+ Móc gài, khoá, bản lề | 2599        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                          | 4101 |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                    | 4102 |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                              | 4211 |
| 16. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                   | 4221 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                         | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                          | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                   | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                      | 4293 |
| 21. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                            | 4292 |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4752 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                        | 4931 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                       | 8299 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                             | 4330 |
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp (Trừ hóa chất nhà nước cấm)                                                                                                   | 4669 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng .                                   | 7730 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                           | 5210 |
| 32. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt, bảo ôn;                                                                                                                         | 3290 |
| 33. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                               | 4212 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                        | 4222 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 36. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn quặng kim loại;</li> <li>- Bán buôn sắt, thép.</li> </ul> <p>(Trừ vàng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 37. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</p> <p>Bán buôn xi măng;</p> <p>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</p> <p>Bán buôn kính xây dựng;</p> <p>Bán buôn sơn, véc ni;</p> <p>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</p> <p>Bán buôn đồ ngũ kim;</p> <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 07/03/2019 đến ngày 06/04/2019

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN CƯỜNG | Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    | 011889676                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                       | Tổng số           | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO THÚY HẰNG  | Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 140.000    | 1.400.000.000         | 25,000    | 001165001145                                                                                |         |
|     |                |                                                                                       | Tổng số           | 140.000    | 1.400.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN VĂN MINH  | Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    | 001060000598                                                                                |         |
|     |                |                                                                                       | Tổng số           | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | ĐÀO NGỌC TRỌNG | Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 252.000    | 2.520.000.000         | 45,000    | 001070008430                                                                                |         |
|     |                |                                                                                       | Tổng số           | 252.000    | 2.520.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | TRẦN VĂN TÀI   | Tổ dân phố số 2 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    | 001081000602                                                                                |         |
|     |                |                                                                                       | Tổng số           | 56.000     | 560.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO NGỌC TRỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/09/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070008430

Ngày cấp: 24/06/2016

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội